

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 21-6-2021

V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm và bà Trần Thị H

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Thư ký của Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Dem - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn T kết hôn ngày 02-12-1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, thời điểm này bà H chưa đủ tuổi kết hôn nên khai sinh ngày 06-7-1978 để làm thủ tục kết hôn, thực tế bà sinh ngày 25-5-1980. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hiện nay ông T đang chấp hành án, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, bà yêu cầu ly hôn ông Trần Văn T, việc ly hôn đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Kim T, sinh ngày 15-8-1997 và Trần Văn D, sinh ngày 15-8-1999. Hiện nay con chung đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Tài sản nợ chung, nợ riêng: đều không có; Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình xét xử và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Phạm Thị H kết hôn ngày 02-12-1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bà H yêu cầu ly hôn thì ông thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Kim T, sinh ngày 15-8-1997 và Trần Văn D, sinh ngày 15-8-1999. Hiện nay con chung đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Tài sản nợ chung, nợ riêng: đều không có; Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn T ly hôn. Về con chung và tài sản không xem xét giải quyết. Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T. Bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Ông T hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Phạm Thị H và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn ngày 02-12-1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quan hệ vợ chồng của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà Phạm Thị H và ông Trần Văn T có hai con chung tên là Trần Thị Kim T, sinh ngày 15-8-1997 và Trần Văn D, sinh ngày 15-8-1999. Hiện nay con chung đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản chung; Tài sản nợ chung; Tài sản nợ riêng đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên không xem xét giải quyết về tài sản.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần Văn T ly hôn.

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0005550 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã L, B;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

